

Bản án số:37/2020/HS-ST
Ngày 30-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý.

Bà Nguyễn Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2020/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn B, sinh năm 1999 tại Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Trần Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Công ty TNHH X; Trụ sở: Lô FJ- 05, khu công nghiệp S, N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Guo Tai G

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 271 Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.(có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1996; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

Người làm chứng:

+ Chị Ngô Thị Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

+Anh Trần Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn B, sinh năm 1999, ở thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) X có trụ sở tại khu công nghiệp S – N địa phận thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang từ ngày 18/01/2020. B được phân công làm công việc “Gia công, sản xuất các sản phẩm và linh kiện điện tử tại tổ PBA.2 trong xưởng sản xuất của Công ty”. Trong thời gian làm việc tại Công ty, B quan sát thấy, Công ty có để một số thanh thiếc hàn, loại đặc SoCu0.7YW2- 07NKC, dạng thanh, màu trắng, khối lượng 1Kg/01 thanh, kích thước (33,5 x 2,0 x 2,0)cm trong tủ sắt cạnh lò đúc ở tầng 1. Quan sát thấy không có người trông coi, biết lối đi vào, ra từ cổng phụ chỉ dành cho công nhân xây dựng không có bảo vệ, B nảy sinh ý định trộm cắp một số thanh thiếc này đem ra ngoài bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trong thời gian từ ngày 04/4/2020 đến ngày 09/4/2020, B đã thực hiện 04 lần trộm cắp được 24 thanh thiếc của Công ty đem ra ngoài bán lấy tiền chi dùng cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Do có ý định trộm cắp từ trước, nên sáng ngày 04/4/2020, B có mặc một chiếc áo khoác rộng màu xám vàng, mục đích để che dấu các tài sản trộm cắp không bị phát hiện, rồi từ nhà đến Công ty để làm việc. Khoảng 12 giờ cùng ngày, khi mọi người trong xưởng nghỉ làm việc buổi sáng và đi ăn trưa, quan sát thấy trong xưởng không có ai, B đi đến khu vực lò đúc thiếc mở tủ trộm cắp 04 thanh thiếc cất dấu vào hai túi quần bò phía trước, rồi kéo trùm chiếc áo khoác lên để che kín hai túi quần đựng 04 thanh thiếc. Để tránh sự kiểm tra của bảo vệ công ty, B đem tài sản trộm cắp được đi đến khu vực nhà xưởng đang xây dựng theo lối

cổng phụ dành cho công nhân xây dựng để đi ra ngoài. Sau đó đem tài sản trộm cắp được đến bán cho anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1996, ở thôn T, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội là chủ cửa hàng thu mua phế liệu, đang tạm trú ở thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang được 1.000.000đồng. Sau khi bán được tài sản trộm cắp, B tự ý nghỉ việc bỏ về nhà không trở lại công ty để làm việc nữa.

Vụ thứ 2: Biết đầu giờ buổi sáng chưa có người đến làm việc để dành cho việc thực hiện hành vi trộm cắp, nên sáng ngày 06/4/2020, B đến Công ty sớm sau đó đi theo cổng phụ đang xây dựng vào trong. Lúc này chưa có ai đến làm việc ở trong xưởng, B vào trong đi đến khu vực để các thanh thiếc (nơi để các thanh thiếc trước đó B đã trộm cắp), mở tủ trộm cắp 06 thanh thiếc cất dấu vào 2 túi quần bò phía trước rồi kéo áo khoác trùm kín lên để không bị phát hiện, sau đó đem tài sản trộm cắp được đi ra ngoài theo lối cổng phụ. B đem tài sản trộm cắp được đến bán cho anh V là chủ cửa hàng thu mua sắt vụn được 1.500.000đồng dùng ăn tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 7 giờ ngày 07/4/2020, B đến Công ty sớm để đột nhập vào trong xưởng trộm cắp những thanh thiếc đem ngoài bán. Khi đến Công ty, B đi vào trong xưởng của công ty theo lối cổng phụ đến khu vực để các thanh thiếc mở tủ trộm cắp 5 thanh thiếc cất dấu vào 2 túi quần bò trước rồi kéo áo khoác trùm kín lên để không bị phát hiện, sau đó đem tài sản trộm cắp được đi ra ngoài theo lối cổng phụ. B đem tài sản trộm cắp được đến bán cho anh V là chủ cửa hàng thu mua sắt vụn được 1.300.000đồng dùng ăn tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Thấy hành vi trộm cắp của mình chưa bị phát hiện, sáng ngày 09/4/2020, B đến Công ty sớm để thực hiện hành vi trộm cắp các thanh thiếc. Khi đến Công ty, lúc này các công nhân chưa đến làm việc. B đột nhập vào trong Công ty theo lối cổng phụ dành cho công nhân xây dựng vào trong đi đến khu vực để các thanh thiếc, mở tủ trộm cắp 09 thanh thiếc cất dấu vào 2 túi quần trước rồi kéo áo khoác trùm kín lên, sau đó đem tài sản trộm cắp được đi ra ngoài theo lối cổng phụ rồi đem tài sản trộm cắp được đến bán cho anh V được 2.340.000 đồng dùng ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 10/4/2020, Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử SUNG JIN phát hiện bị mất trộm một số thanh thiếc hàn, loại đặc SoCu0.7YW2- 07NKC, dạng thanh, màu trắng, khối lượng 1Kg/01 thanh, kích thước (33,5 x 2,0 x 2,0)cm trong tủ sắt cạnh lò đúc ở tầng 1 đã trích xuất camera thì phát hiện hành vi trộm cắp của Phạm Văn B đã báo cơ quan điều tra Công an huyện Y giải quyết, nên B không thực hiện tiếp được hành vi trộm cắp các thanh thiếc của công ty nữa, và đến ngày 17/4/2020, B đến cơ quan điều tra Công an huyện Y đầu thú

và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Như vậy: Tổng số 4 lần B thực hiện hành vi trộm cắp được 24 thanh thiếc hàn, loại đặc SoCu0.7YW2- 07NKC, dạng thanh, màu trắng, khối lượng 1Kg/01 thanh, kích thước (33,5 x 2,0 x 2,0)cm của công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử SUNG JIN đem bán được tổng 6.140.000đ dùng ăn tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-ĐGTS ngày 24/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y định giá kết luận: 01 thanh thiếc hàn, loại đặc SoCu0.7YW2- 07NKC, dạng thanh, màu trắng, khối lượng 1Kg/01 thanh, kích thước (33,5 x 2,0 x 2,0)cm trị giá 532.000đ (bl 34- 37).

Ngày 02/6/2020, Cơ quan điều tra tiến hành cho bị cáo thực nghiệm điều tra để bị cáo diễn lại hành vi trộm cắp tài sản của mình. Kết quả bị cáo B đã mô tả và diễn thành thực các động tác trộm cắp, phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo và các tài liệu điều tra khác (BL 85- 110).

Trong vụ án này: Đối với Nguyễn Văn V có hành vi 4 lần mua tổng số 24 thanh thiếc hàn, loại đặc SoCu0.7YW2- 07NKC, dạng thanh, màu trắng, khối lượng 1Kg/01 thanh, kích thước (33,5 x 2,0 x 2,0)cm của B trộm cắp đem đến bán. Tuy nhiên, khi đem tài sản trộm cắp đến bán, B không nói, Nguyễn Văn V cũng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, sau khi mua những thanh thiếc đó, Nguyễn Văn V đã bán cho người đến thu mua sắt vụn, nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Ngoài lời khai, không có chứng cứ khác, nên không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Văn V.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH X do chị Nguyễn Thị Hiệp, sinh năm 1991 (tên thường gọi là Lâm) là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Phạm Văn B phải trả lại cho Công ty TNHH X 24 thanh thiếc, có trị giá bằng 12.768.000đồng (BL: 167)

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Văn B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 37/CT-VKSYD ngày 08/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo B khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều, khoản trên là đúng, không oan. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. xử Phạm Văn B từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn B phải bồi thường cho Công ty TNHH X số tiền 12.768.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo chịu 638.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/4/2020 đến ngày 9/4/2020, tại Công ty TNHH X địa chỉ Lô FJ-05, Khu công nghiệp S - N, thuộc địa phận thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phong, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Phạm Văn B đã có hành vi thực hiện 4 vụ trộm cắp được tổng số 24 thanh thiếc hàn SnCu0.7 YW2-07NKC, dạng thanh, màu trắng, mỗi thanh thiếc hàn có khối lượng 01kg, kích thước (33,5 x 2,0 x 2,0)cm của Công ty TNHH X. Tổng giá trị tài sản Phạm Văn B trộm cắp là 12.768.000 đồng (ngày 04/4/2020 trộm 04 thanh thiếc, giá 2.128.000 đồng; ngày 6/4/2020 trộm 06 thanh thiếc, giá 3.192.000 đồng; ngày 7/4/2020 trộm 05 thanh

thiếc, giá 2.660.000 đồng; ngày 9/4/2020 trộm 9 thanh thiếc, giá 4.788.000 đồng). Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản để trả lại bị hại.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Phạm Văn B phạm tội : “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 37/CT-VKSYP ngày 08/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang truy tố đối với Phạm Văn B là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn V có hành vi 4 lần mua tổng số 24 thanh thiếc hàn, loại đặc SoCu0.7YW2- 07NKC, dạng thanh, màu trắng, khối lượng 1Kg/01 thanh, kích thước (33,5 x 2,0 x 2,0)cm của B trộm cắp đem đến bán. Tuy nhiên, khi đem tài sản trộm cắp đến bán, B không nói, Nguyễn Văn V cũng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, sau khi mua những thanh thiếc đó, Nguyễn Văn V đã bán cho người đến thu mua sắt vụn, nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Ngoài lời khai, không có chứng cứ khác, nên không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Văn V.

[2] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện nhiều hành vi trộm cắp. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập và tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

Công ty TNHH X do chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (tên thường gọi là L) là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Phạm Văn B phải trả lại cho Công ty TNHH X 24 thanh thiếc, có trị giá bằng 12.768.000 đồng. Xét thấy yêu cầu bồi thường số tiền trên của bị hại là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn B 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Phạm Văn B phải bồi thường cho Công ty TNHH X số tiền 12.768.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 638.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Y;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh